

# KỸ NĂNG DẠY HỌC THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, Đặng Trung Kiên

Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

**1.** Sinh viên dân tộc thiểu số (SVDTTS) là những sinh viên thuộc các dân tộc có số dân ít, chiếm tỉ trọng thấp trong tương quan so sánh về số lượng dân trong một quốc gia đa dân tộc.

SVDTTS Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là con em đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mường, Thái... Bên cạnh những đặc điểm về tâm sinh lý của sinh viên nói chung, SVDTTS còn mang những nét tâm lý riêng do điều kiện sống đặc thù cũng như tâm lý dân tộc của họ quy định.

**2.** Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học được ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một trong những kỹ quan trọng, không thể thiếu của người giáo viên đáp ứng yêu cầu của lao động sư phạm được quy định trong Chuẩn nghề nghiệp đó là kỹ năng dạy học. Vì vậy, việc rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên, đặc biệt là SVDTTS theo Chuẩn nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường đại học sẽ giúp người giáo viên tương lai xác định được những năng lực sư phạm cần thiết, để rèn luyện, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi thực tiễn xã hội, đặc biệt là những khu

vực miền núi, vùng sâu nơi đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống.

**3.** Kỹ năng dạy học (KNDH) là năng lực vận dụng các tri thức chuyên môn, nghiệp vụ của người giáo viên để cung cấp cho học sinh những tri thức khoa học, phát triển trí tuệ và hình thành thế giới quan, hành vi đạo đức.

Có nhiều cách phân chia KNDH khác nhau. Bài viết này chúng tôi chiếu với những quy định trong Điều 6, tiêu chuẩn 3 Năng lực dạy học của người giáo viên phổ thông, chúng tôi đưa ra các kỹ năng dạy học tương ứng, bao gồm:

Nhóm kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học; Nhóm kỹ năng đảm bảo kiến thức môn học; Nhóm kỹ năng đảm bảo chương trình môn học; Nhóm kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học; Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học; Nhóm kỹ năng xây dựng môi trường học tập; Nhóm kỹ năng quản lý hồ sơ dạy học; Nhóm kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Nghiên cứu kỹ năng dạy học của SVDTTS Trường ĐHSƯ - ĐHTN chúng tôi tiến hành điều tra trên 30 giảng viên (GV) dạy bộ môn phương pháp giảng dạy của các khoa Cơ bản trong trường và khoa Tâm lý Giáo dục; 30 giáo

viên trường THPT trực tiếp tham gia hướng dẫn sinh viên làm công tác thực tập giảng dạy; 150 sinh viên dân tộc thiểu số k43 khoa Văn, Sử, Địa, Toán, Lý thông qua hoạt động tập giảng và hoạt động thực tập giảng dạy ở trường phổ thông.

Căn cứ vào "Bảng hệ thống đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp của GV trung học", cách đánh giá mức độ đạt được kỹ năng dạy học của sinh viên sẽ tính theo mức điểm từ 1 đến 4. Mức 1 điểm phản ánh yêu cầu tối thiểu mà giáo viên phải đạt được tiêu chí (kỹ năng) đó, mỗi mức điểm cao hơn bao gồm các yêu cầu của mức điểm thấp hơn liền kề, cộng thêm một vài yêu cầu mới đối với mức điểm đó. Việc phân biệt các mức điểm cao, thấp dựa vào số lượng và chất lượng các hoạt động mà giáo viên đã thực hiện được [ 2 ]. Chúng tôi đưa ra các nhóm kỹ năng dạy học yêu cầu giảng viên và giáo viên đánh giá xem mức độ đạt được của SVDTTS qua hoạt động tập giảng và thực tập sư phạm đạt được ở mức điểm nào. Kết quả như sau (Bảng 1, 2):

(1) Nhóm kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học (thiết kế bài học); 2) Nhóm kỹ năng đảm bảo kiến thức môn học; (3) Nhóm kỹ năng đảm bảo

chương trình môn học; (4) Nhóm kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học; (5) Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học; (6) Nhóm kỹ năng xây dựng môi trường học tập; (7) Nhóm kỹ năng quản lý hồ sơ dạy học; (8) Nhóm kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Kết quả trên cho thấy, đánh giá về KNDH của SVDTTS của Giảng viên đại học và giáo viên phổ thông đa số đều ở mức độ điểm 1 và 2, mức 3 và 4 không có. Như vậy, những yêu cầu tối thiểu cần phải đạt được ở mỗi nhóm kỹ

năng đa số SV đều đã có, số SV không đạt chiếm tỉ lệ thấp. Trong số 8 nhóm kỹ năng, KN SV được đánh giá ở mức độ cao là nhóm kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học (KN thiết kế bài học), nhóm kỹ năng đảm bảo chương trình môn học, nhóm kỹ năng quản lý hồ sơ dạy học. Nhóm kỹ năng SV thực hiện còn hạn chế là sử dụng phương tiện dạy học; vận dụng các phương pháp dạy học và xây dựng môi trường học tập. Kết quả này phần nào phản ánh đặc điểm tâm lý và trình độ của SV DTTS. Bởi, thực tế trong chương trình đào tạo của trường ĐHSP - ĐHTN

đến học kỳ 5 là SV bắt đầu học môn phương pháp giảng dạy bộ môn. Trong quá trình học tập môn học này, bên cạnh việc cung cấp cho SV những tri thức nghiệp vụ cần thiết làm nền tảng cho quá trình rèn luyện nghiệp vụ thì GV còn giúp SV biết cách lập kế hoạch dạy học, thiết kế bài dạy cụ thể và sau đó SV tiến hành thực hành tập giảng. Sang học kỳ 7 sinh viên tiếp tục được học môn Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (tập giảng). Đây chính là môn học SV có nhiều điều kiện để rèn luyện KNDH. Qua quá trình tập giảng, đối với từng bài học cụ thể, lại một lần nữa SV được giáo viên hướng dẫn, rèn luyện KN soạn giáo án. Khi đi thực tập sư phạm ở nhà trường phổ thông, với 7 tuần thực tập, sinh viên phải thực hiện từ 7 - 9 giáo án giảng dạy chấm điểm. Vì thế, đối với nhóm KN xây dựng kế hoạch (thiết kế bài học) SV được rèn luyện nhiều. Đi sâu vào tìm hiểu mức độ đạt được của nhóm kỹ năng này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu một số giáo án của SV khi đi thực tập ở nhà trường phổ thông. Kết quả cho thấy, trong số 40 giáo án của SV (ở cả 5 khoa Văn, Sử, Địa, Toán, Lý), các em đều đã biết cách xác định mục tiêu của bài học; biết xác định nội dung kiến thức trọng tâm theo đúng nội dung chương trình, sách giáo khoa, dự kiến phân phối thời gian cho từng nội dung kiến thức, dự kiến phương pháp, phương tiện dạy học..

Đối với nhóm kỹ năng sinh viên thực hiện chưa được

**Bảng 1:** Đánh giá của giảng viên về mức độ KNDH SVDTTS đạt được theo Chuẩn nghề nghiệp thông qua hoạt động tập giảng

Mức độ Nhóm KN	Không đạt		1 điểm		2 điểm		3 điểm		4 điểm	
	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %
1	4	4.6	80	52.8	66	43.5	0	0	0	0
2	8	5.3	92	60.7	50	33.3	0	0	0	0
3	3	2.0	69	45.5	78	51.5	0	0	0	0
4	12	7.9	94	62.0	44	29.1	0	0	0	0
5	18	11.9	112	73.9	10	6.6	0	0	0	0
6	15	9.9	118	77.9	17	11.2	0	0	0	0
7	3	2.0	87	57.4	60	39.6	0	0	0	0
8	7	4.6	95	62.7	48	31.6	0	0	0	0

**Bảng 2:** Đánh giá của giáo viên trường THPT về mức độ KNDH SVDTTS đạt được theo Chuẩn nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập giảng dạy

Mức độ Nhóm KN	Không đạt		1 điểm		2 điểm		3 điểm		4 điểm	
	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %	Số SV	Tỉ lệ %
1	0	0	75	49.5	55	36.3	0	0	0	0
2	4	2.6	88	58.1	58	38.2	0	0	0	0
3	1	0.66	60	39.6	89	58.7	0	0	0	0
4	8	3.9	87	57.4	55	36.3	0	0	0	0
5	14	9.2	122	80.5	14	9.2	0	0	0	0
6	8	3.9	114	75.2	28	18.5	0	0	0	0
7	0	0	73	48.1	77	50.1	0	0	0	0
8	5	3.3	81	53.4	64	42.2	0	0	0	0

đánh giá cao là nhóm *KN sử dụng các phương tiện dạy học và xây dựng môi trường học tập*. Thực tế cho thấy, trong quá trình học tại trường sư phạm, được thực hành với các phương tiện dạy học ở nhà trường phổ thông của sinh viên còn ít, một phần do điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường chưa đáp ứng hết nhu cầu của người học, phần nữa là do điều kiện, hoàn cảnh môi trường sống của các em còn thiếu thốn, khó khăn, đa phần các em đều là con nhà nông, điều kiện kinh tế hạn hẹp nên việc trang bị cho các em máy vi tính khi đi học cũng là điều quá khó khăn đối với nhiều gia đình. Chính điều này dẫn đến hạn chế của các em trong việc sử dụng phương tiện hiện đại như ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quá trình dạy học còn hạn chế. Tuy nhiên theo chúng tôi, phần lớn là do chính bản thân sinh viên DTTS chưa tích cực trong việc tự mình tìm hiểu, tự trang bị mình kỹ năng này. Vì thế nhiều em chưa biết cách tìm kiếm, khai thác thông tin trên mạng internet, soạn giáo án điện tử, hay đơn giản như việc lắp đặt hệ thống máy chiếu để sử dụng cũng chưa biết cách.

Cũng do khả năng thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số chưa cao, và do điều kiện sống, tâm lý dân tộc của họ quy định nên SVDTTS thường sống khép kín. Tính tích cực giao tiếp của sinh viên DTTS còn hạn chế. Trong việc thiết lập mối quan hệ mới các em còn gặp nhiều khó khăn, thiếu tính chủ động. Sinh viên

DTTS gặp khó khăn ở hiện tượng song ngữ, đa ngữ. Sự giao thoa ngôn ngữ gây khó khăn cho hoạt động nhận thức khi mà công cụ của tư duy bị hạn chế. Trong hoạt động học tập, sinh viên dân tộc thường bị động trong cách học, ngại giao tiếp với bạn bè, với thầy cô, một phần là do tính tích cực giao tiếp chưa cao của các em chi phối nên đã hình thành ở sinh viên DTTS thái độ giao tiếp thờ ơ, nhiều em không biết sử dụng phối hợp ngôn ngữ và cử chỉ, biểu cảm thái độ đúng lúc, đúng chỗ. Những điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học của các em, đặc biệt là nhóm kỹ năng xây dựng môi trường học tập. Các em rất khó khăn trong việc tạo ra một giờ học trong bầu không khí tự nhiên, vui vẻ, thân thiện giữa thầy và trò.

So sánh kết quả đánh giá của giảng viên đại học và giáo viên phổ thông chúng tôi nhận thấy kết quả đánh giá của giáo viên phổ thông là cao hơn kết quả đánh giá của giảng viên đại học. Điều này là hợp lý, bởi khi SV tiến hành hoạt động tập giảng ở trường ĐH, khi đó SV là học kỳ 7, đến khi xuống trường phổ thông thực tập sinh viên đã có thêm khoảng thời gian một học kỳ nữa để tích lũy thêm tri thức, kinh nghiệm cần thiết cho hoạt động giảng dạy thông qua quá trình học tập, rèn luyện ở trường ĐH, vì vậy SV có sự vững vàng hơn về tri thức, kỹ năng. Đi sâu vào tìm hiểu chúng tôi còn nhận thấy, đối với những SV có nhóm kỹ

năng giáo viên đánh giá không đạt đều là những SV có kết quả học tập xếp loại cận trung bình, khả năng giao tiếp hạn chế, năng lực nhận thức, tư duy chậm, ý thức học tập rèn luyện chưa cao. So sánh với KNDH của SV người dân tộc Kinh học cùng lớp với SV DTTS, thì kết quả đánh giá của SV người dân tộc Kinh là cao hơn hẳn. Theo nhận xét của GV và giáo viên phổ thông thì SV người dân tộc Kinh có độ nhạy bén, linh hoạt và tư duy nhận thức nhanh hơn rất nhiều so với SV DTTS.

Tìm hiểu nhận thức của SV về kỹ năng dạy học và tự đánh giá của họ về KN của bản thân mình, chúng tôi cũng dựa vào “Bảng hệ thống đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp của GV trung học”, đưa ra những KN dạy học cụ thể với từng tiêu chí, và yêu cầu cụ thể ứng với mỗi mức điểm. Kết quả thu được như sau:

Kết quả trên cho thấy, tự đánh giá của sinh viên so với sự đánh giá của GV và giáo viên phổ thông là có sự khác biệt. Sinh viên DTTS tự đánh giá mức độ KNDH của mình thấp hơn rất nhiều so với sự đánh giá của giảng viên và giáo viên. Điều này có thể phản ánh thực tế năng lực của bản thân SV. Và sự đánh giá của giảng viên, giáo viên phổ thông đối với SV là có sự ưu ái, động viên khích lệ. Tuy nhiên một đặc điểm tâm lý của SVDTTS là tính tự ti. Các em thường mặc cảm mình yếu, kém, lạc hậu không thể học giỏi được. Sự tự trọng của các em đôi khi thái quá trở thành bảo thủ, hay tự ái.

Những đặc điểm này cũng là còn mang tính chủ quan, tùy thuộc vào giáo viên hướng

năng lực của sinh viên, sẽ là một yếu tố quan trọng giúp SV nhận thức được năng lực của đề rèn luyện KNDH cho mình tốt hơn.

**Bảng 3: Tự đánh giá của sinh viên SVDTTS trường ĐHSP - ĐHTN về mức độ KNDH đạt được theo Chuẩn nghề nghiệp sau hoạt động TTSP**

Mức độ Nhóm KN	Không đạt		1 điểm		2 điểm		3 điểm		4 điểm	
	Số SV	Ti lệ %	Số SV	Ti lệ %	Số SV	Ti lệ %	Số SV	Ti lệ %	Số SV	Ti lệ %
1	10	6.6	118	77.9	22	14.5	0	0	0	0
2	15	9.9	126	83.1	9	5.9	0	0	0	0
3	8	5.3	101	66.7	32	21.1	0	0	0	0
4	20	13.2	126	83.1	4	2.6	0	0	0	0
5	27	17.8	115	75.9	8	5.2	0	0	0	0
6	18	11.9	122	73.9	10	6.6	0	0	0	0
7	8	5.3	102	67.3	40	26.4	0	0	0	0
8	13	8.5	121	79.8	14	9.2	0	0	0	0

SV tự đánh giá kỹ năng DH của mình ở mức độ thấp.

Như vậy, theo sự đánh giá của GV và giáo viên cũng như tự đánh giá của bản thân SV thì KNDH của SV DTTS trường ĐHSP ĐHTN theo chuẩn nghề nghiệp đa số đều đạt chuẩn ở mức độ 1 và 2, bên cạnh đó một số ít SV có những KN chưa đạt chuẩn. Điều này đã phản ánh thực trạng kỹ năng DH của SVDTTS còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên có một thực tế rất mâu thuẫn là khi đánh giá từng KN dạy học của SV, GV phổ thông phản ánh khá trung thực, chỉ ra nhiều điểm hạn chế của các em, nhưng đến khi đánh giá kết quả thực tập cuối cùng bằng điểm số thì GV phổ thông lại cho điểm cao hơn rất nhiều so với năng lực thực sự của các em. Căn cứ vào kết quả TTSP của sinh viên với những ý kiến nhận xét, đánh giá trực tiếp của GV: Kết quả đánh giá, xếp loại thực tập của giáo viên phổ thông đối với giáo sinh

dẫn và sự chỉ đạo của Trường thực tập. Đánh giá, chấm điểm thực tập của một số giáo viên hướng dẫn ở trường phổ thông chưa bám sát đúng tiêu chí đánh giá trong hướng dẫn thực tập (do Trường ĐHSP Thái Nguyên ban hành). Giáo viên hướng dẫn thực tập ở phổ thông còn nặng tâm lý “thông cảm”, “châm trước” cho sinh viên với vai trò “người học việc”. Giữa các trường thực tập cách đánh giá, chấm điểm cũng chưa thống nhất. Bên cạnh đó còn một nguyên nhân nữa là do giáo viên hướng dẫn “thương” sinh viên muốn tạo điều kiện cho sinh viên có một kết quả “đẹp” để sau này dễ xin việc, chính những điều này dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa kết quả và năng lực thực tế của sinh viên. Kết quả TTSP của SV DTTS k43 vừa qua 95 % xếp loại giỏi, chỉ có 5% loại khá, không có loại trung bình [3]. Thực tế cho thấy, nếu kết quả thực tập phản ánh chính xác, đúng

Từ thực trạng trên cho thấy: Để có được kỹ năng nói chung và kỹ năng dạy học nói riêng đòi hỏi SV phải biết sử dụng những kiến thức nhất định, những kinh nghiệm sẵn có và đòi hỏi có sự kiểm tra của ý thức, việc hình thành và hoàn thiện kỹ năng phụ thuộc vào việc nắm vững tri thức. Sinh viên nắm vững tri thức nghiệp vụ càng sâu thì việc hình thành kỹ năng càng diễn ra nhanh chóng. Ý thức luyện tập là yếu tố quyết định trực tiếp tới việc hình thành và hoàn thiện kỹ năng. sinh viên phải được rèn luyện một cách thường xuyên, liên tục, có hệ thống ngay từ năm thứ nhất, việc rèn luyện không chỉ tiến hành trong giờ chính khoá mà cả giờ ngoại khoá và thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc. Vậy nên, đối với bản thân mỗi sinh viên nói chung SV DTTS nói riêng, song song với việc trang bị kiến thức chuyên môn, các em cần phải tự trang bị, tự học hỏi lấy những kiến thức, những kỹ năng thiết yếu khác như kiến thức về công nghệ thông tin để có thể ứng dụng vào trong quá trình giảng dạy, biết cách sử dụng thành thạo những thiết bị thí nghiệm cơ bản của môn học chuyên ngành ở trường phổ thông. Tham gia tích cực vào vào các hoạt động phong trào để rèn luyện cho mình những KN mềm khác bổ trợ cho KNDH như: Kỹ năng ứng xử sư phạm; kỹ năng giao tiếp;

kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc hợp tác, KN nắm bắt đặc điểm tâm lý học sinh, KN dự đoán...đó sẽ là điều kiện thuận lợi để hoạt động dạy học thành công.

Bên cạnh đó nhà trường cần tăng cường đầu tư thêm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hội thi nghiệp vụ sư phạm... tạo điều kiện thuận lợi cho SV có được rèn luyện KNDH thường xuyên. Trong chương trình đào tạo, cần tăng thời lượng cho môn tin học, để SV được thực hành nhiều hơn. Cần nhận thức rằng hình thành kỹ năng sư phạm cho sinh viên là trách nhiệm của toàn thể cán bộ giảng viên ở tất cả các môn học, không chỉ là môn phương pháp giảng dạy hay môn nghiệp vụ sư phạm. Không phải chỉ có giảng viên ở trường sư phạm mà còn là trách nhiệm của cả giáo viên trường phổ thông. Chính vì vậy trong quá trình giảng dạy, quá trình hướng dẫn sinh viên thực tập GV, giáo viên cần nâng cao tinh thần trách nhiệm, hướng dẫn tận tình đánh giá năng lực SV

công bằng, khách quan.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bộ GD & ĐT “Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông” (Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TTBGDĐT, ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng GD & ĐT).
2. Bộ GD & ĐT, Dự án phát triển giáo viên THPT & TCCN, *Hướng dẫn áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và đánh giá giáo viên*, NXB Đại học Sư phạm, 2010.
3. Báo cáo tổng kết công tác thực tập sư phạm năm 2012 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
4. Bùi Đình Mỹ, *Tìm hiểu vấn đề đặc trưng tâm lý dân tộc*, Kỷ yếu Hội nghị Tâm lý học lần thứ 5
5. Phan Thanh Long, (2004), “Các biện pháp rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên cao đẳng sư phạm”, Luận án Tiến sĩ
6. Higher Education in the Twenty-first Century *Vision and Action*. World Conference on Higher Education. UNESCO Paris. October, 1998.

**Summary**

When studying teaching skills of ethnic minority students

at Thai Nguyen University of Education in comparison with the requirements of the occupational standard, namely “Article 6, Standard 3 of Teaching apacity of high school teachers, we proposed corresponding teaching skills including: skills of building teaching plan; skills of ensuring knowledge; skills of handling teaching methods; skills of using teaching facilities; skills of building skills learning environment; skills of managing teaching materials; skills of testing and evaluating students’ academic results.

Based on the “Table of evaluation system according to professional standards of high school teachers” we ask university teachers and school teacher to evaluate the performance of ethnic minority students through the activities of teaching practice and pedagogical. The result is that most students reach levels 1 and 2; no students reach levels 3 and 4; the number of students who do not meet requirements is not considerable. Among the eight skill groups, The skill groups for which the students are highly evaluated are skills of building teaching plan, skills of managing teaching materials, skills of ensuring knowledge. The skill groups which the students are weak.

**DẠY HỌC DỰA VÀO TƯƠNG TÁC...**

(Tiếp trang 25)

...gần như hoàn toàn vào người học và quá trình học tập. Tính hiệu quả của PPDH phụ thuộc vào sự tương thích tối ưu giữa chức năng của phương pháp và bản chất của chủ thể học. Những giá trị và kinh nghiệm được người học huy động để đáp ứng một nhiệm vụ học tập cụ thể tạo ra một cấu trúc tâm lí chuyên biệt đặc trưng cho bản chất của người học lúc ấy gọi là tính sẵn sàng học tập. Chính nó chi phối hiệu quả của PPDH được sử dụng trong trường hợp này.

**Tài liệu tham khảo**

1. Đặng Thành Hưng, *Dạy học hiện đại lý luận, biện pháp, kĩ thuật*, NXBĐHQG HN (2002).
2. Đặng Thành Hưng, *Tương tác thầy - trò trên lớp học*, NXBGD Hà Nội (2005).
3. Jean-Marc Denomme, Madeleine Roy, *Sư phạm tương tác - Một tiếp cận khoa học thân kinh về học và dạy*, NXB ĐHQG Hà Nội (2009)
4. Geoffrey Petty, *Dạy học ngày nay*, NXB Stanley

Thornes (1998)

**Summary**

In this article we present a model of teaching method. It shows both the interactive principle of modern teaching methods, and core principles of teaching methods style; which is considered unique in the schools. We call this model of teaching method is “model of teaching method based on interaction according the situation – study style”